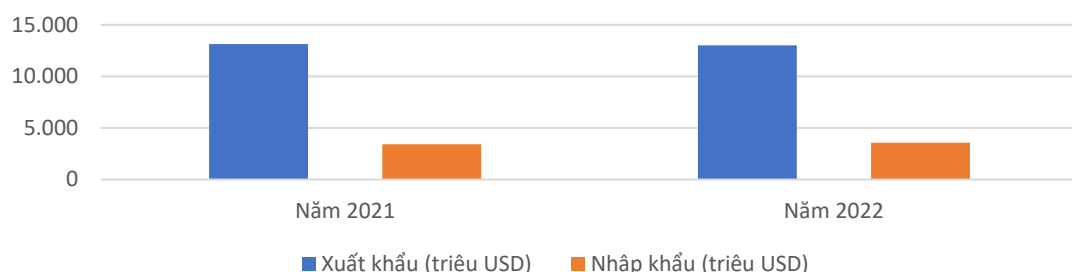


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HOA KỲ



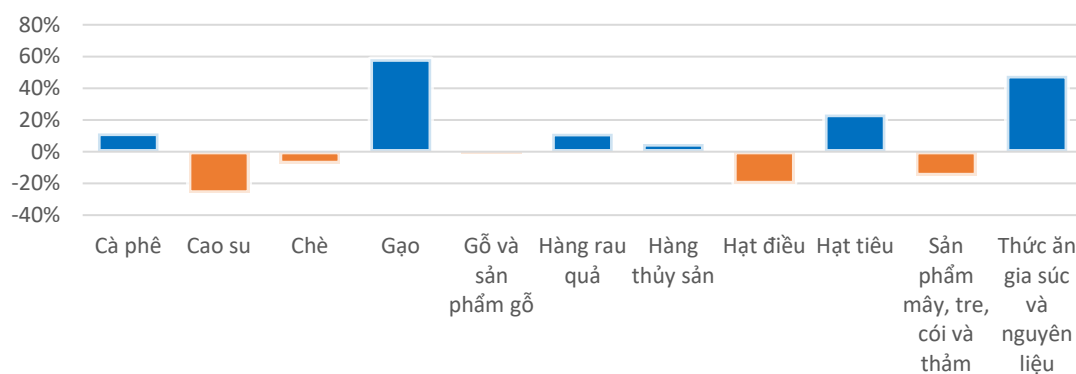
Xuất khẩu và Nhập khẩu NLTS Việt Nam - Hoa Kỳ



So sánh Kim ngạch XNK NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ Năm 2022/2021

Xuất khẩu ▼ 1,0%
Nhập khẩu ▲ 5,1%

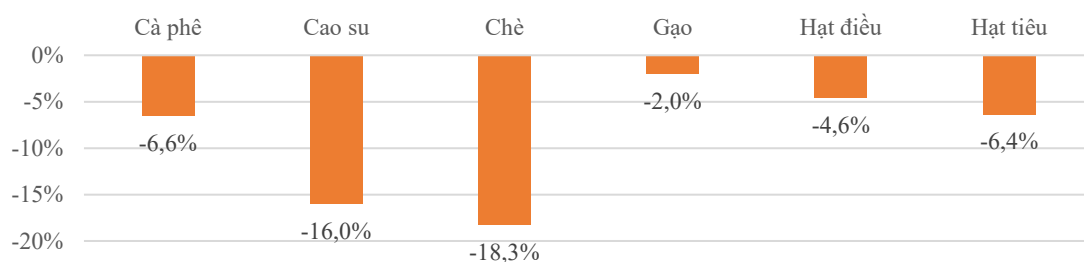
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Hoa Kỳ năm 2022 so với năm 2021



So sánh 11T-2022/2021

Cà phê ▲ 11,6%
Cao su ▼ 26%
Chè ▼ 7,4%
Gạo ▲ 58,3%
Gỗ và SP Gỗ ▼ 1,2%
Rau quả ▲ 11,4%
Thủy sản ▲ 4,8%
Hạt điều ▼ 20%
Hạt tiêu ▲ 23,5%
Mây tre đan ▼ 15%
TÀGsS và NL ▲ 47,8%

Biến động giá xuất khẩu bình quân của NLTS chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ T12/2022 so với T12/2021



So sánh giá xuất khẩu bình quân T12-2022/2021

Cà phê ▼ 6,6%
Cao su ▼ 16,0%
Chè ▼ 18,3%
Gạo ▼ 2,0%
Hạt điều ▼ 4,6%
Hạt tiêu ▼ 6,4%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Ngày 26/1, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã công bố GDP quý IV/2022 có tốc độ tăng trưởng đạt 2,9%, thấp hơn so với mức 3,2% trong quý trước đó. Tuy nhiên, con số này vẫn vượt qua mức dự báo 2,6% của các chuyên gia trong bối cảnh hai quý đầu tăng trưởng âm. Theo Bộ trên, tăng trưởng của nền kinh tế lớn nhất thế giới trong cả năm 2022 chỉ đạt 2,1%, tuy giảm nhiều so với mức 5,9% của năm 2021 nhưng vẫn cao hơn so với mức dự báo của ADB (1,7%), OECD (1,8%), IMF (1,6%), Fitch Ratings (1,9%).

Trong tháng 12/2022, tình hình lạm phát giá tiêu dùng tại Hoa Kỳ giảm xuống mức thấp nhất trong vòng một năm qua (theo công bố của Bộ Lao động Hoa Kỳ). Đây là dấu hiệu cho thấy điều tồi tệ của tình trạng tăng giá quá nóng có thể đã qua. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 6,5% trong tháng 12/2022, chậm hơn so với mức tăng 7,1% trong tháng 11/2022. Đây cũng là tháng đầu tiên trong 14 tháng vừa qua (kể từ tháng 11/2021) CPI quay đầu giảm, nhờ giá xăng và các mặt hàng khác giảm. Đây cũng là dấu hiệu cho thấy lạm phát đang theo xu hướng giảm bền vững. Tuy nhiên, lạm phát hiện vẫn cao hơn nhiều so với mức mục tiêu của FED là 2%. Theo báo cáo kinh tế định kỳ của FED, bất chấp lạm phát có dấu hiệu hạ nhiệt, hoạt động kinh tế của nước này vẫn ảm đạm trong những tuần gần đây và chỉ tăng trưởng thấp trong những tháng tới.

Trong bối cảnh đó, theo Thương vụ Việt Nam tại Hoa Kỳ, năm 2022, quan hệ kinh tế thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ vẫn tăng trưởng khả quan. Tổng kim ngạch xuất khẩu cả năm 2022 đạt 109,38 tỉ USD (các mặt hàng NLTS đạt 13,02 tỷ USD, chiếm 11,9% tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ). Đây cũng là lần đầu tiên hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang một thị trường đạt mốc 100 tỉ USD. Nhập khẩu hàng hóa từ Mỹ về Việt Nam trong 2022 đạt 14,47 tỉ USD (các mặt hàng NLTS đạt 3,58 tỷ USD, chiếm 24,7%) đưa tổng kim ngạch thương mại hai chiều năm 2022 lên 123,86 tỉ USD (các mặt hàng NLTS đạt 16,6 tỷ USD, chiếm 13,4%). Cán cân thương mại đạt thặng dư 94,91 tỉ USD, tăng 17% so với năm 2021.

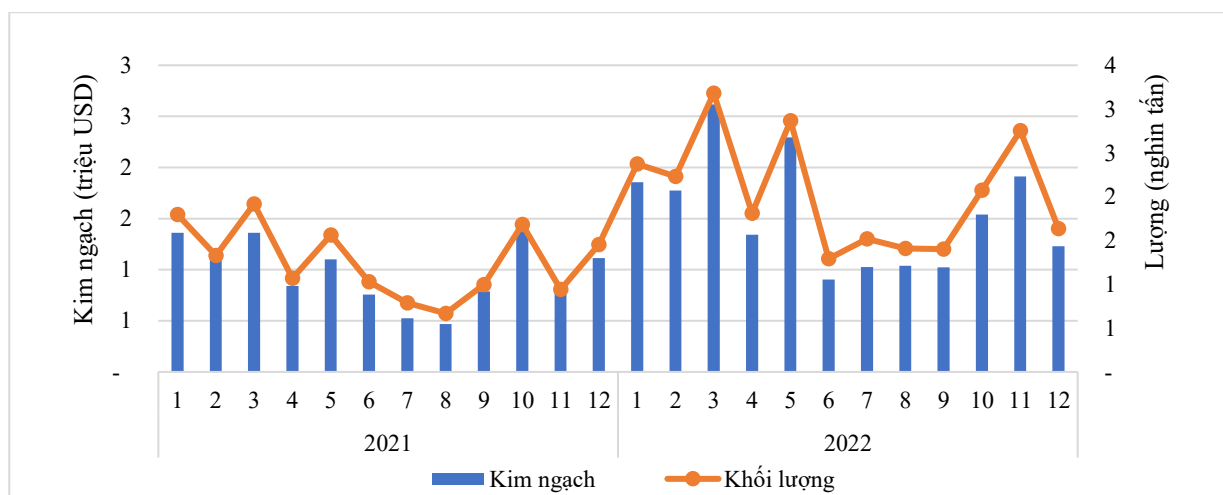
Trong tháng 12/2022, kim ngạch xuất khẩu NLTS Việt Nam sang Hoa Kỳ là 976,2 triệu USD. Một số mặt hàng NLTS xuất khẩu chủ đạo của Việt Nam sang Hoa Kỳ là gỗ và các sản phẩm gỗ (*chiếm 69,5%*), thủy sản (*10,2%*), hạt điều (*7,52%*). So với tháng 11/2022, tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS Việt Nam sang thị trường này tăng 16,2%. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng tăng như thức ăn gia súc và nguyên liệu (tăng gấp hơn 3 lần), cao su (tăng 89,8%), hạt tiêu (tăng 63,1%), cà phê (tăng 60,7%), sản phẩm mây, tre, cói và thảm (tăng 27,9%), gỗ và sản phẩm từ gỗ (tăng 18,7%), rau quả (tăng 18,1%), hạt điều (tăng 6,3%). Một số mặt hàng giảm như Chè (giảm 52,9%), gạo (giảm 35,7%), thủy sản (giảm 15,6%) (*Chi tiết tại phụ lục đính kèm*).

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 12/2022 ước đạt 1,6 nghìn tấn với trị giá 1,2 triệu USD, giảm 40,6% về khối lượng và 35,7% về giá trị so với tháng trước, nhưng tăng 12,5% về khối lượng và 10,2% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Lũy kế cả năm 2022, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Hoa Kỳ ước đạt 24,5 nghìn tấn với trị giá 18,6 triệu USD, tăng 61,1% về lượng và 58,3% về giá trị so với năm trước.

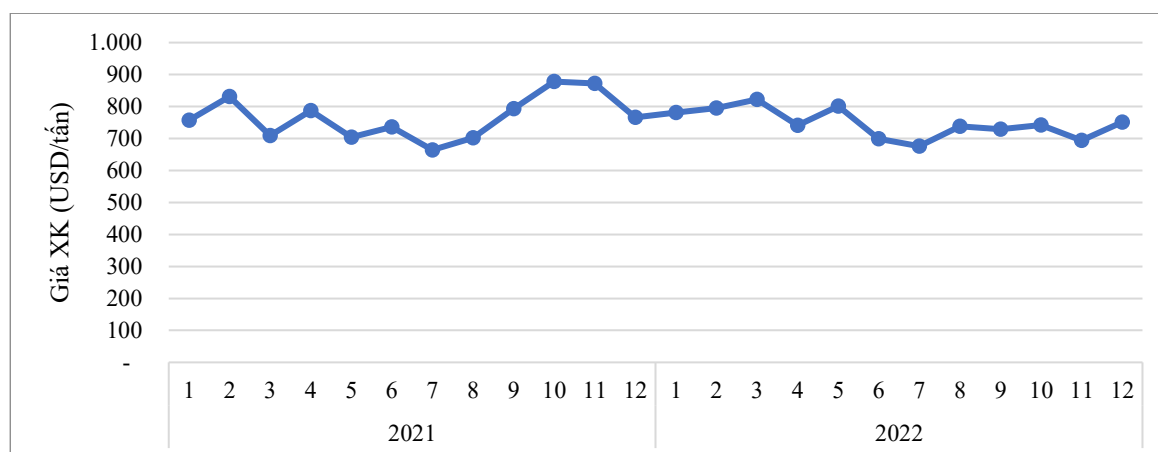
Hình 1. Khối lượng và giá trị gạo xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 12/2022, giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ đạt mức 751 USD/tấn, tăng 8,2% so với tháng trước nhưng giảm 2,0% so với cùng kỳ năm 2021.

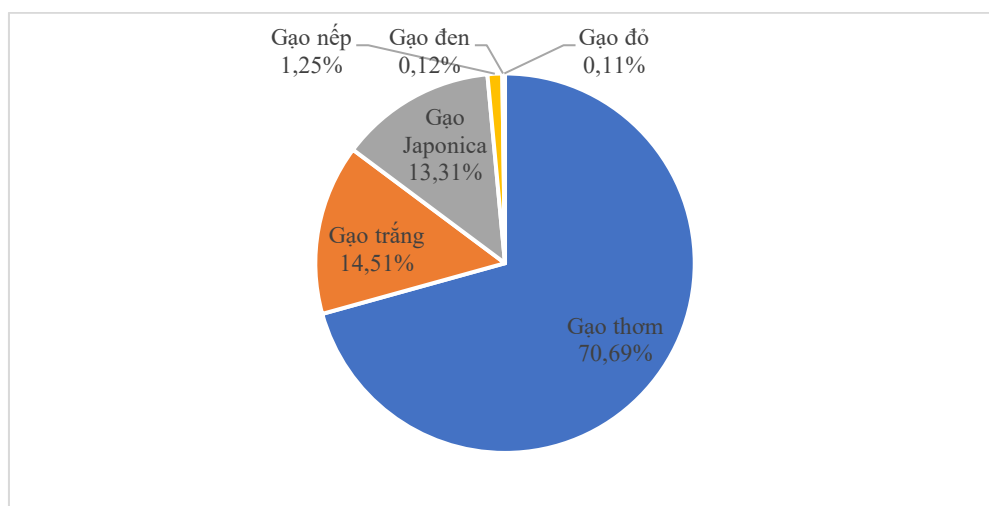
Hình 2. Giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2022, gạo thơm là loại gạo có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 868,5 nghìn USD, chiếm 70,7% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gạo trắng với kim ngạch 178,3 nghìn USD, chiếm 14,5% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gạo Japonica và gạo nếp, chiếm lần lượt 13,3% và 1,3% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình 3. Chủng loại gạo xuất khẩu sang Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 12/2022

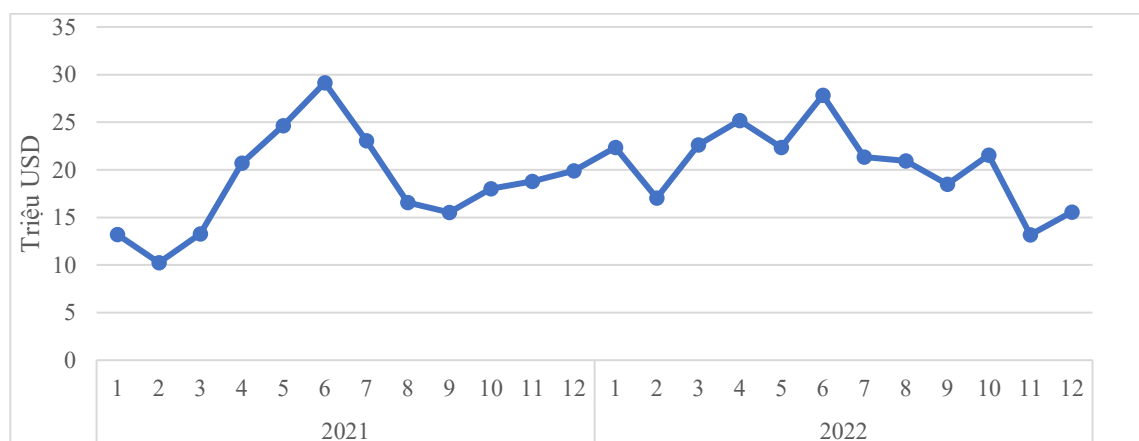


Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. RAU QUẢ

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 12 năm 2022 đạt 15,6 triệu USD, chiếm 5,0% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, tăng 18,1% so với tháng trước và giảm 21,8% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung cả năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hoa Kỳ đạt 247,8 triệu USD, chiếm 7,4% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ

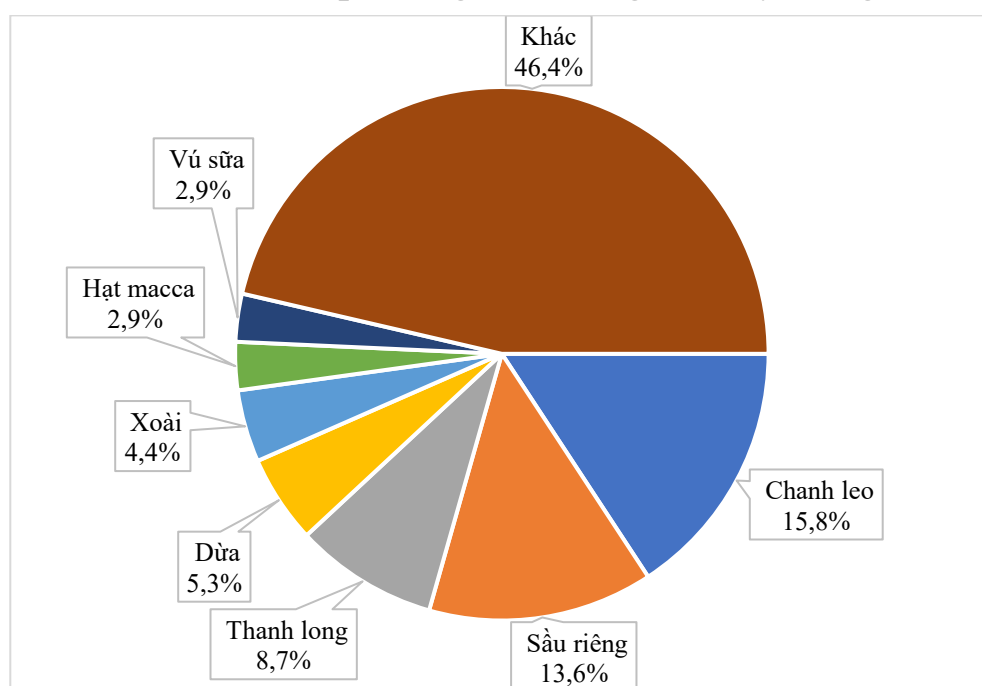


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 12 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 8,2 triệu USD (chiếm 52,0% thị phần, giảm 9,0% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 7,4 triệu USD (chiếm 47,5% thị phần), giảm 32,3%, trong đó: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 3,9 triệu USD (tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước); (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 1,6 triệu USD (giảm 63,9%); (iii) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 813,4 nghìn USD (giảm 49,3%); v.v.

Trong tháng 12 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm: chanh leo đạt 2,5 triệu USD (chiếm 15,8% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 505,1% so với cùng kỳ năm 2021; sầu riêng đạt 2,1 triệu USD (chiếm 13,6%), tăng 47,6%; thanh long đạt 1,4 triệu USD (chiếm 8,7%), giảm 62,7%; dứa đạt 832,0 nghìn USD (chiếm 5,3%), giảm 63,8%; v.v.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 12 năm 2022



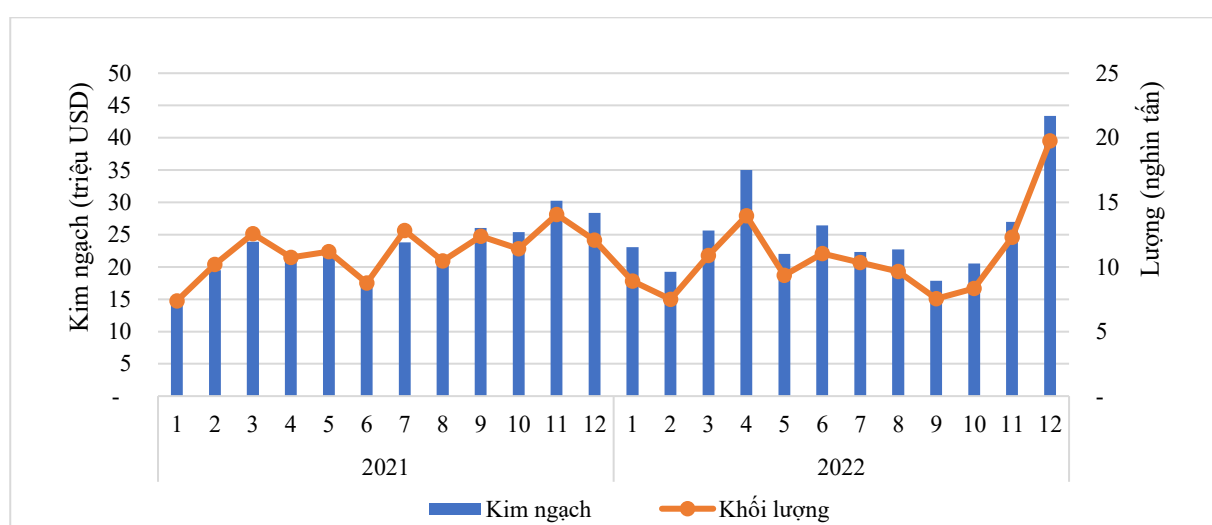
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 12 năm 2022 đạt 36,1 triệu USD, chiếm 18,1% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 21,6% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung cả năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ Hoa Kỳ đạt 356,3 triệu USD (chiếm 17,2%), tăng 15,6% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 12/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: hạt dẻ đạt 15,4 triệu USD, chiếm 42,8% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 106,2% so với cùng kỳ năm 2021; táo đạt 9,8 triệu USD (chiếm 27,3%), tăng 63,5%; nho đạt 4,4 triệu USD (chiếm 12,2%), giảm 10,1%; hạnh nhân đạt 3,5 triệu USD (chiếm 9,6%), giảm 51,0%; v.v.

3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 12/2022 ước đạt 19,8 nghìn tấn với trị giá 43,4 triệu USD, tăng 60,7% về khối lượng và 68,8% về giá trị so với tháng trước, và tăng 63,6% về khối lượng và 52,9% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

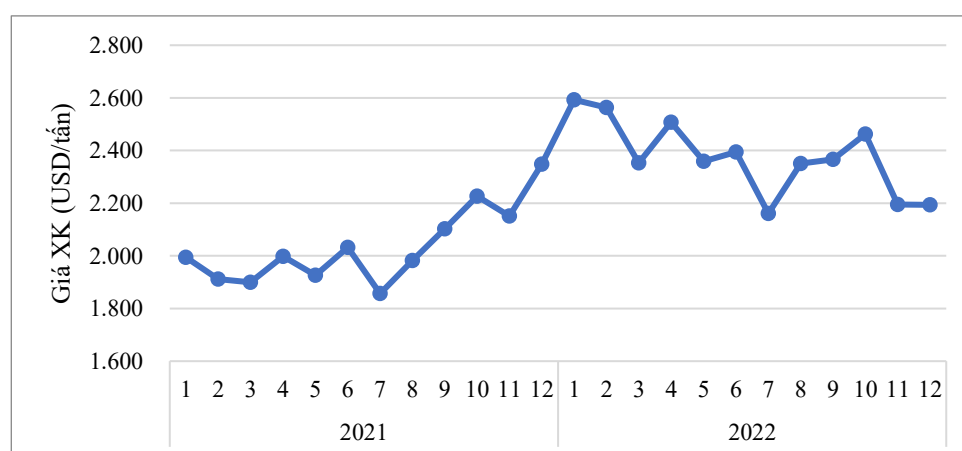
Hình 6. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 12/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ đạt mức 2.194 USD/tấn, giảm 0,05% so với tháng trước và giảm 6,6% so với cùng kỳ năm 2021.

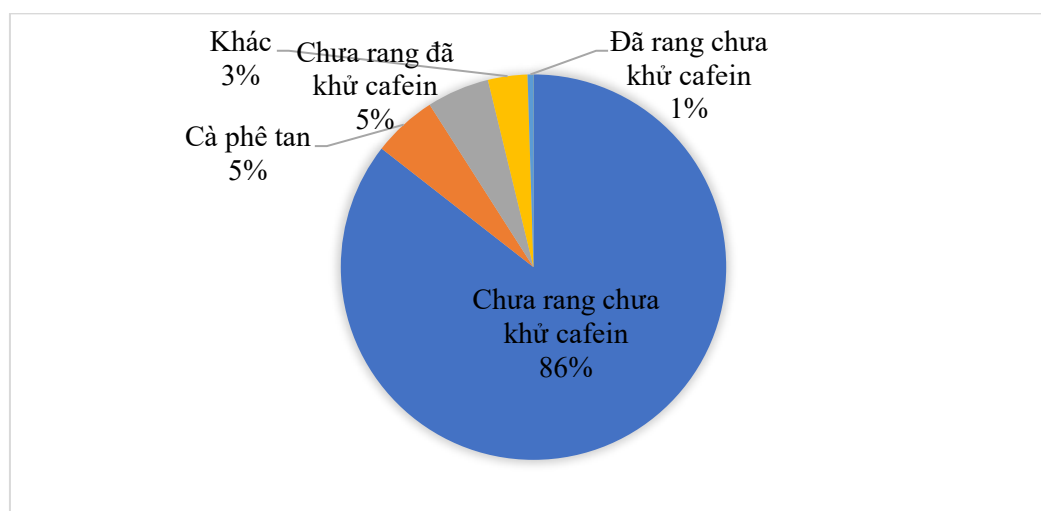
Hình 7. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2022, cà phê chưa rang chưa khử cafein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 37,10 triệu USD, chiếm 85,5% tổng giá trị xuất khẩu. Thứ hai là cà phê hòa tan với kim ngạch 2,34 triệu USD, chiếm 5,4% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê chưa rang đã khử cafein và cà phê đã rang chưa khử cafein, chiếm lần lượt 5,2% và 0,5% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình 8. Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 12/2022

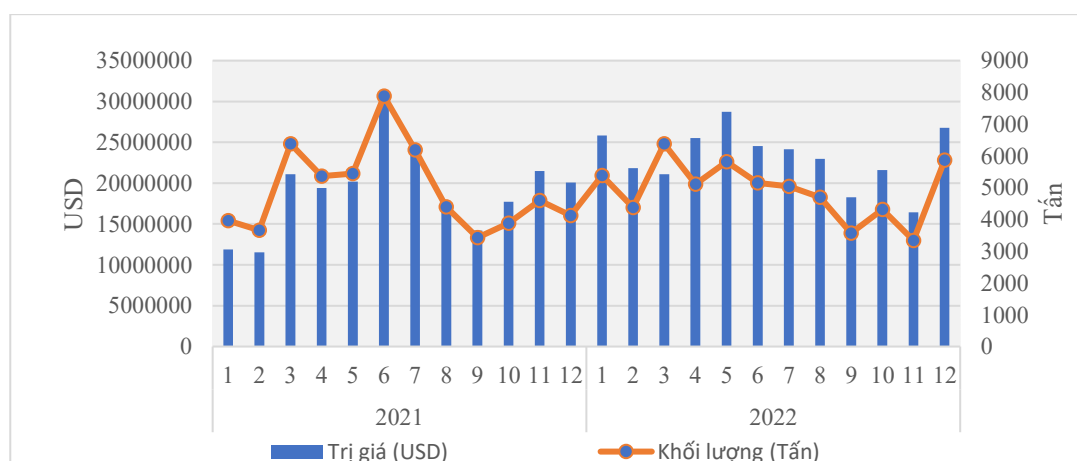


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. HỒ TIÊU

Theo công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 12/2022 đạt 5.872 tấn, tương ứng với 26,769 triệu USD, tăng 75,8% về khối lượng và tăng 63% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2021, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này tăng 42,5% về khối lượng và tăng 33,4% về giá trị.

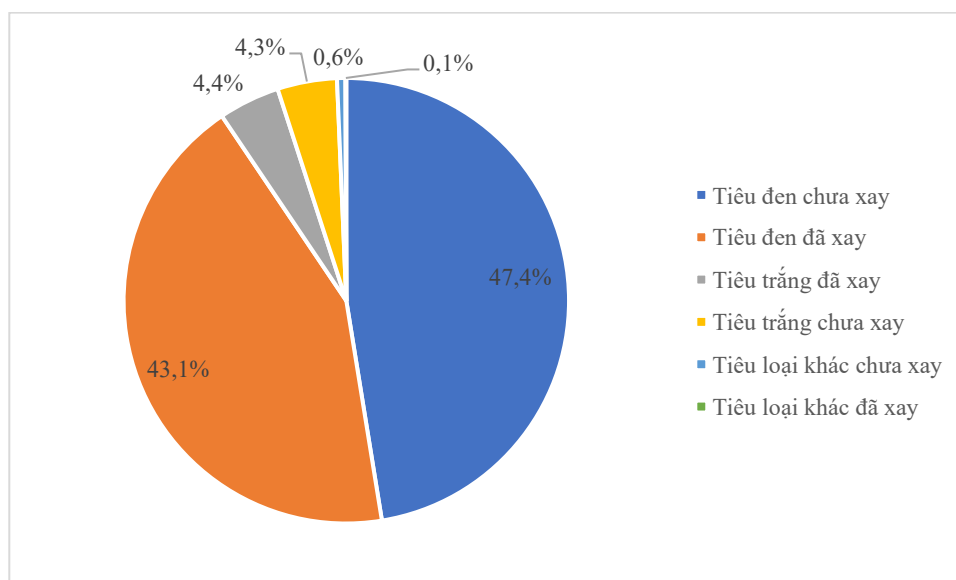
Hình 9: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2022, tiêu đen vẫn là mặt hàng chính của Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ, trong đó, tiêu đen chưa xay chiếm 47,4% (tăng 2,1 lần với tháng trước và tăng 21,8% so với cùng kỳ năm trước), tiêu đen đã xay chiếm 43,1% giá trị xuất khẩu sang thị trường này (tăng 32,6% so với tháng trước và tăng 59% so với cùng kỳ năm trước). Tiêu trắng đã xay, tiêu trắng chưa xay, tiêu khác chưa xay, tiêu khác đã xay chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ lần lượt là 4,4%, 4,3%, 0,6% và 0,1% tổng giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang Hoa Kỳ.

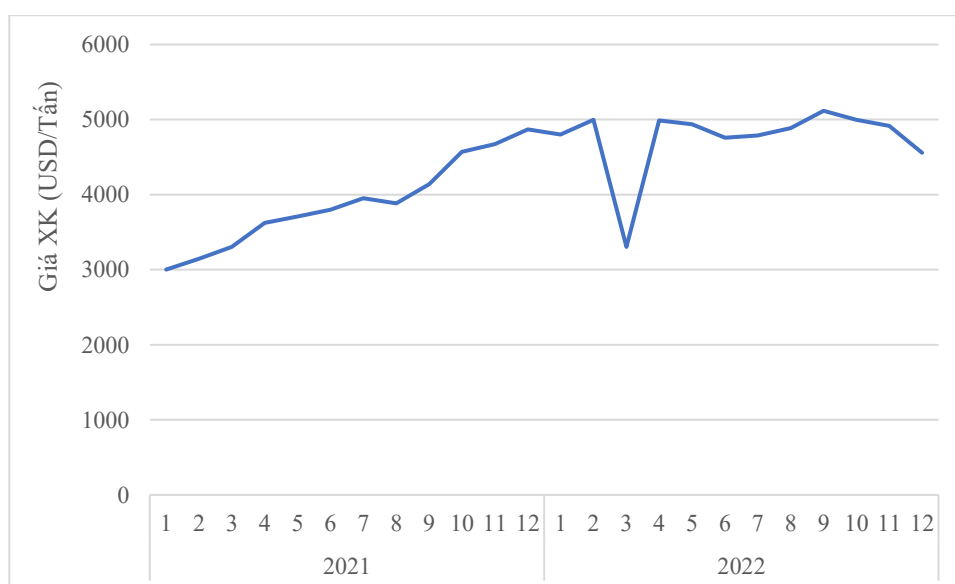
Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 12/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu trung bình của hồ tiêu Việt Nam vào thị trường này trong tháng 12/2022 đạt 4.559 USD/tấn, giảm 7,2% so với tháng trước và giảm 6,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 11: Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ



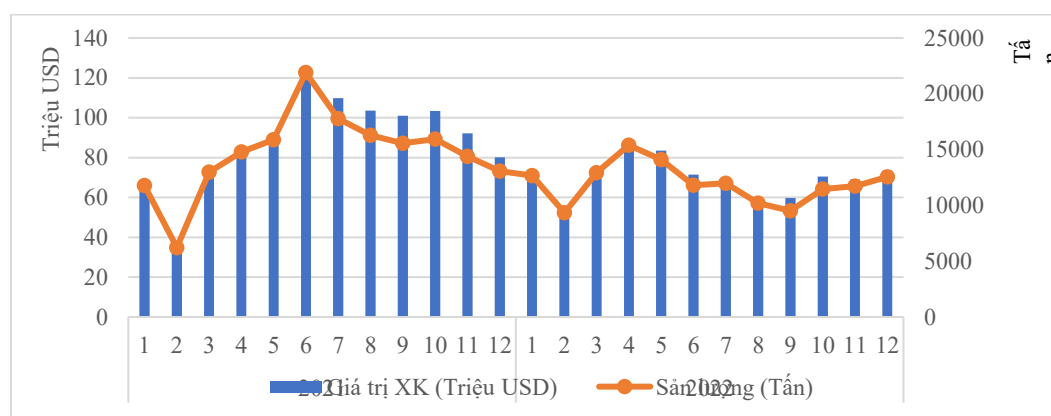
Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

5. HẠT ĐIỀU

Năm 2022, nông nghiệp Việt Nam tiếp tục có 11 nhóm mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, trong đó hạt điều là 1 trong 7 mặt hàng có kim ngạch trên 3 tỷ USD (gỗ và sản phẩm gỗ, tôm, cà phê, gạo, cao su; rau quả, hạt điều). Thị trường Hoa Kỳ chiếm tỷ trọng 31,57% về kim ngạch và 31,98% về sản lượng hạt điều xuất khẩu của Việt Nam.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 12/2022, Việt Nam xuất khẩu được 12.560 tấn điều, trị giá 73,433 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, tăng 7,2% về khối lượng, tăng 6,3% về giá trị so với tháng trước; giảm 3,9% về khối lượng và giảm 8,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Tổng kim ngạch điều xuất khẩu sang thị trường này trong năm 2022 đạt 143.691 tấn, trị giá 842,58 triệu USD, giảm 20% về khối lượng và giảm 18,6% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

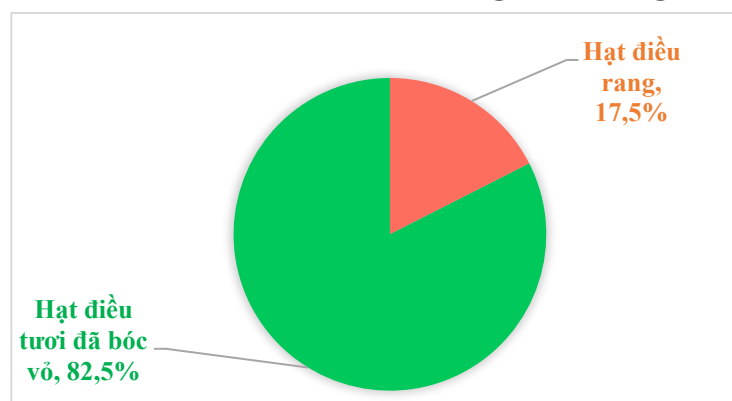
Hình 12. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 12/2022, hạt điều Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ chủ yếu là hạt điều tươi đã bóc vỏ và hạt điều rang. Trong đó, hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tỷ trọng 82,5% (tăng 10,9% so với tháng trước và giảm 13,4% so với cùng kỳ năm trước), hạt điều rang chiếm khoảng 17,5%.

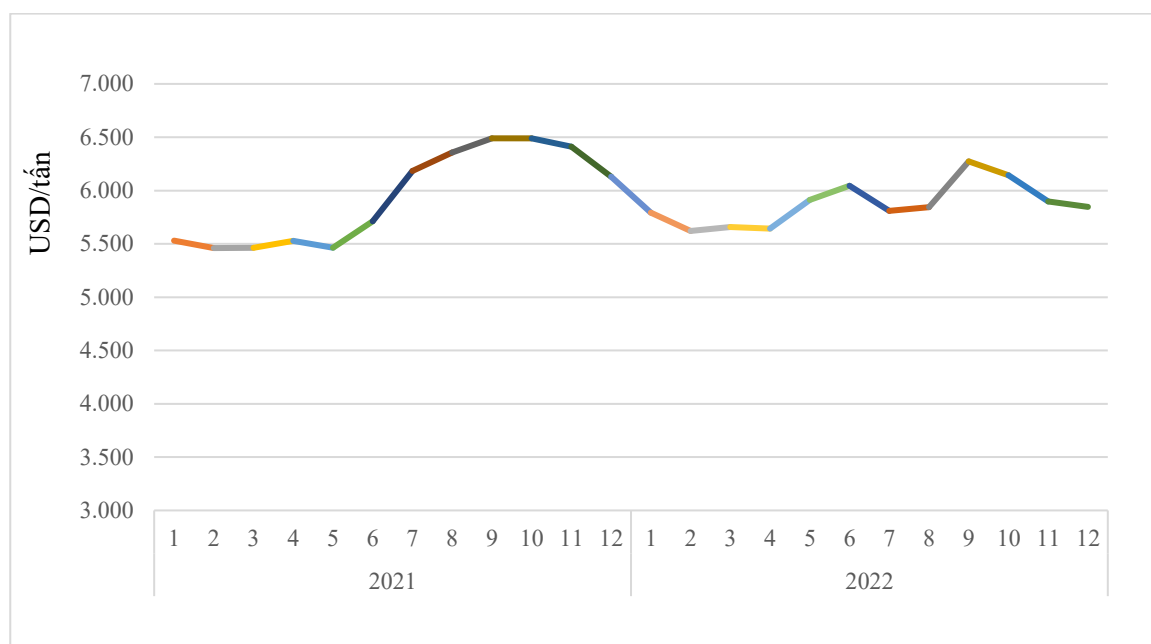
Hình 13. Cơ cấu xuất khẩu hạt điều xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 12/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Bình quân giá xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 5.847 USD/tấn, Giảm 0,9% so với tháng trước và giảm 4,6% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 14. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với điều tươi đã bóc vỏ, giá xuất khẩu bình quân sang thị trường này tháng 12/2022 đạt trung bình là 5.811 USD/tấn, tăng 0,8% so với tháng trước và giảm 3,6% so với cùng kỳ năm trước.

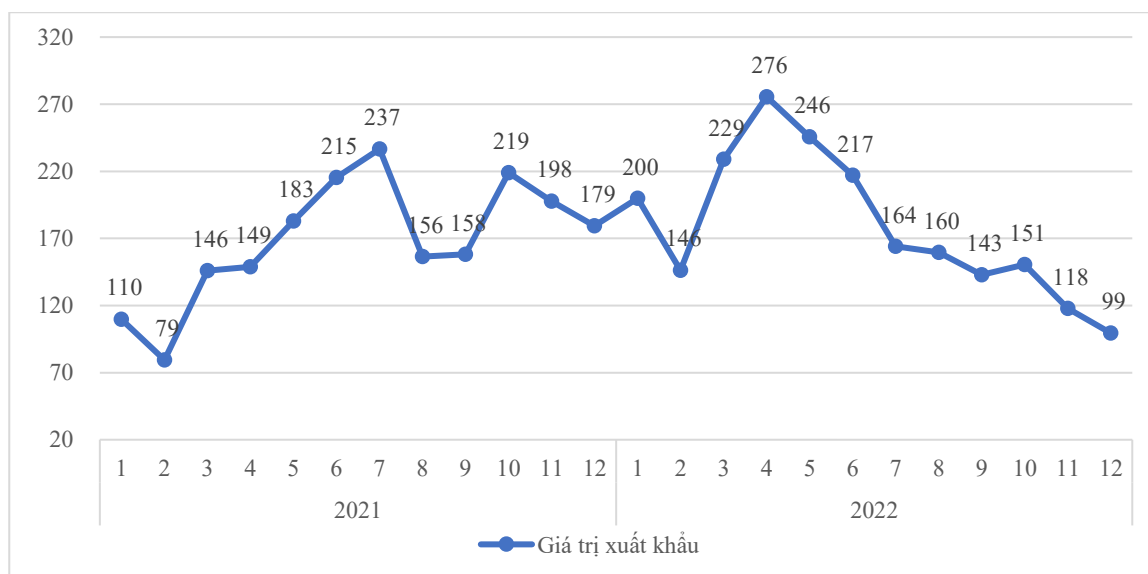
6. THỦY SẢN

Theo dữ liệu từ Cơ quan Quản lý Đại dương và Khí quyển Quốc gia Hoa Kỳ (NOAA), trong tháng 11/2022, nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ đạt 64 nghìn tấn, trị giá 579,3 triệu USD, giảm 19% về lượng và giảm 25% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 11 tháng năm 2022, nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ đạt 779,7 triệu tấn, trị giá 7,29 tỷ USD, giảm 3,6% về lượng, nhưng tăng 1,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ giảm do tồn kho cao, trong khi nhu cầu tiêu thụ giảm. Theo IRI và 210 Analytics, doanh thu tiêu thụ tôm tươi tại Hoa Kỳ giảm 16,4% trong tháng 12/2022 và giảm 20,6% trong cả năm 2022; Doanh thu tiêu thụ tôm đông lạnh giảm 4,8% trong tháng 12/2022 và giảm 4,7% cho cả năm 2022. Dự báo, năm 2023, tiêu thụ tôm tại Hoa Kỳ sẽ khả quan hơn khi lạm phát giảm. 11 tháng năm 2022, Hoa Kỳ đẩy mạnh nhập khẩu tôm từ thị trường Ê-cu-a-đo, trong khi giảm nhập khẩu từ Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Trung Quốc

Năm 2022, Hoa Kỳ tiếp tục duy trì tiếp tục duy trì là nước xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam chiếm 19,5% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 2,15 tỷ USD, tăng 5,8% so với năm 2021.

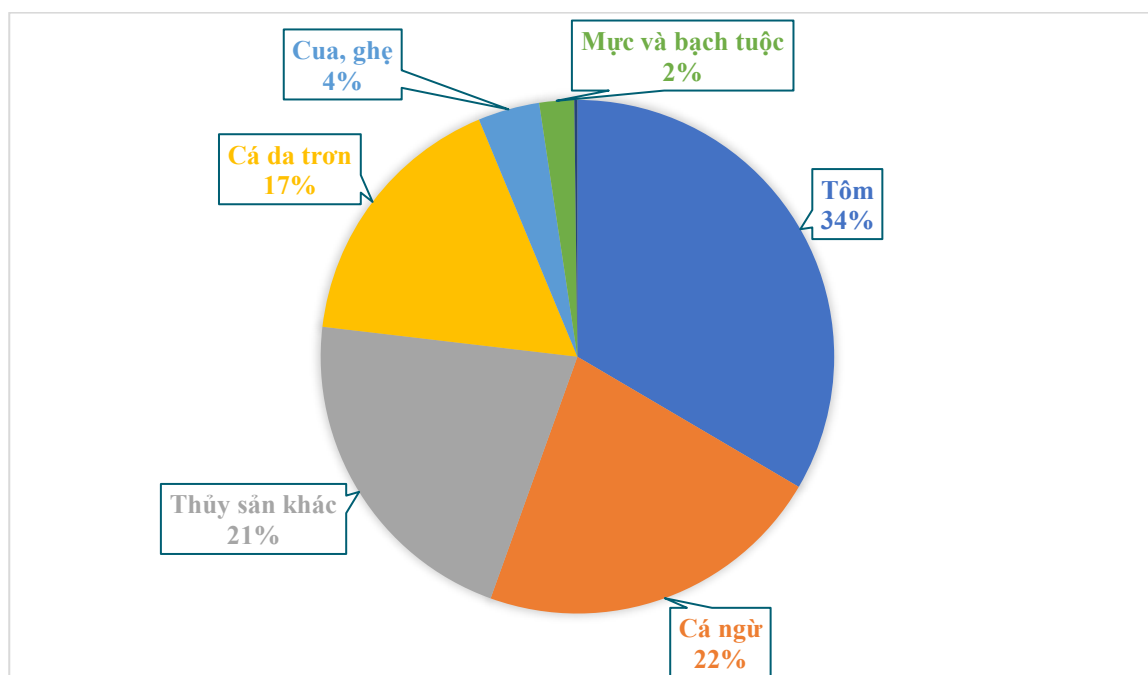
Hình 25. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 12/2022

ĐVT: Triệu USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

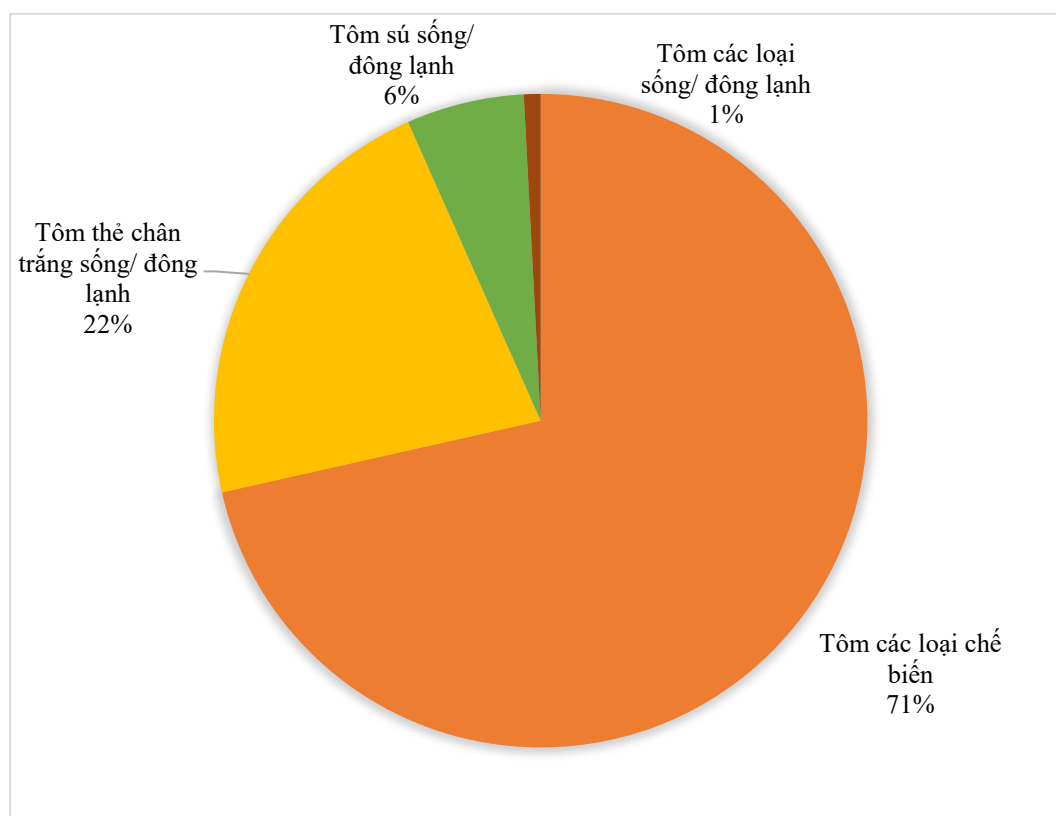
Tuy nhiên, lạm phát tại Hoa Kỳ đã ảnh hưởng lớn đến giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường này. Tháng 12/2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang Hoa Kỳ chỉ đạt 99,47 triệu USD, giảm 44,5% so với cùng kỳ năm 2021 và giảm 15,6% so với tháng 11/2022.

Hình 16. Cơ cấu xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 12/2022

Nguồn: Tổng cục hải quan

Tôm tiếp tục là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này trong tháng 12/2022, đạt 33,3 triệu USD, chiếm 33,5% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ. Trong đó, xuất khẩu tôm chế biến các loại đạt 23,8 triệu USD, chiếm 71,5% giá trị xuất khẩu tôm sang thị trường này, giảm 43,2% so với tháng 12/2021; tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 7,3 triệu USD, chiếm 21,9%, giảm 53,9%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 1,9 triệu USD, chiếm 5,8%, giảm 46,5%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,3 triệu USD, chiếm 0,8%, giảm 17%.

Hình 17. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hoa Kỳ tháng 12/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 12/2022, giá trị xuất khẩu cá da giảm mạnh so với tháng trước, giảm 44,8% và giảm 64% so với tháng 12/2021. Giá trị xuất khẩu cá tra phi lê đạt 15,9 triệu USD, giảm 65,5% so với năm 2021 và 46,2% so với tháng 11/2022. Cá tra sống/đông lạnh, trừ phi lê đạt 0,8 triệu USD, tăng 88,9% so với cùng kỳ năm trước.

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 12/2022 như sau: Cá ngừ đạt 21,9 triệu USD, giảm 47,7% so với tháng 12/2021; cua, ghẹ đạt 3,5 triệu USD, giảm 47,5%; mực bạch tuộc đạt 2,2 triệu USD, giảm 46% và thủy sản khác đạt 21,3 triệu USD, tăng 18,4%.

Tháng 12/2022, giá xuất khẩu tôm đạt trung bình 10 USD/kg, giảm 14,5% so với cùng kỳ năm 2021; cá da trơn đạt 5 USD/kg, giảm 36,3%. Cụ thể

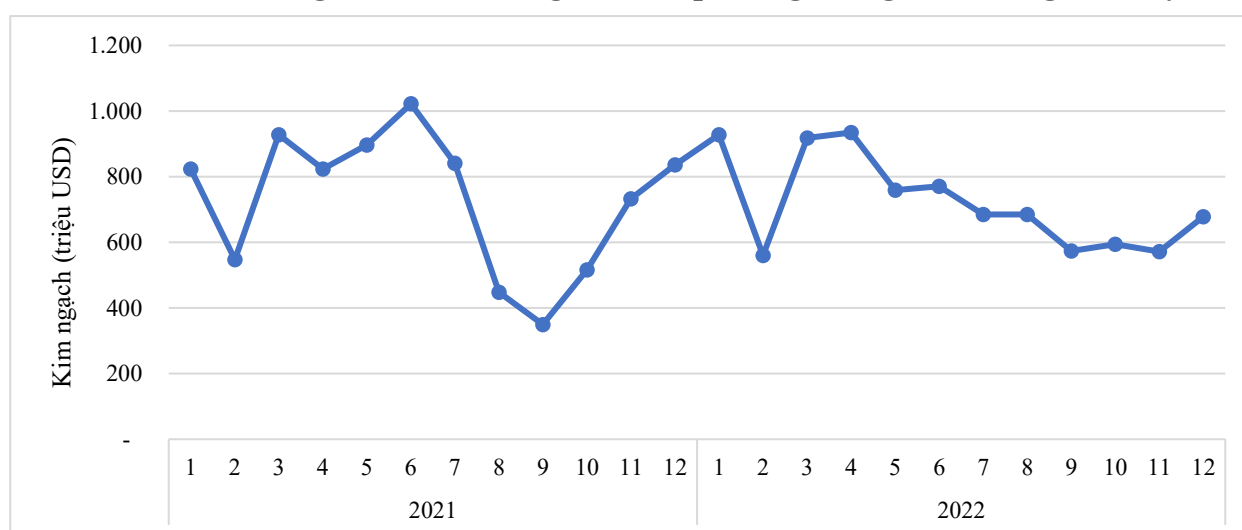
Bảng 1. Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 12/2022

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	5,0	-36,3%	-8,7%
2	Cá ngừ	10,7	-3,4%	-13,9%
3	Cua, ghe	15,8	-19,2%	-6,9%
4	Mực và bạch tuộc	14,4	27,6%	34,9%
5	Tôm	10,0	-14,5%	-4,0%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

7. GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

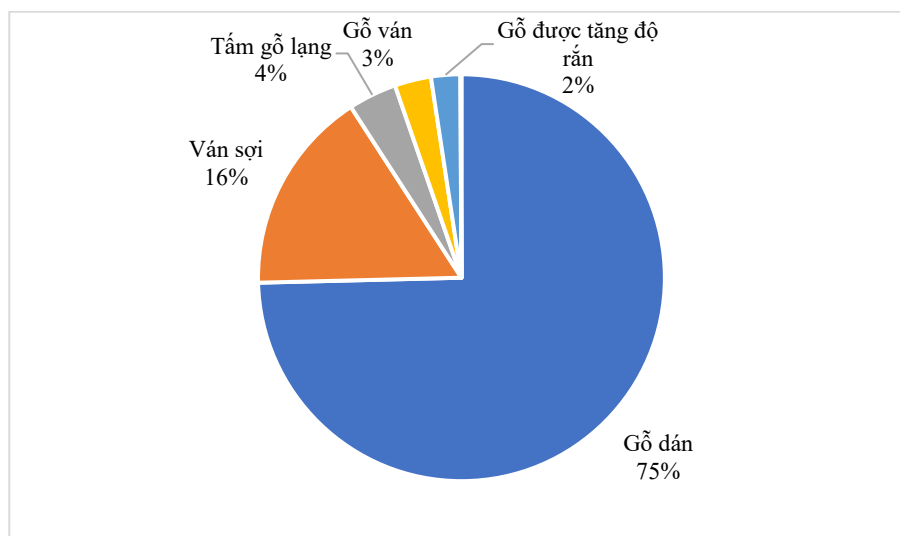
Theo Tổng cục Hải quan, tháng 12/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 678,0 triệu USD, tăng 18,7% so với tháng trước nhưng giảm 18,9% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 38. Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2022, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 16,4 triệu USD, chiếm 74,6% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là ván sợi với kim ngạch 3,6 triệu USD, chiếm 16,2% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là tấm gỗ lạng, chiếm 3,8% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình 19. Chứng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 12/2022

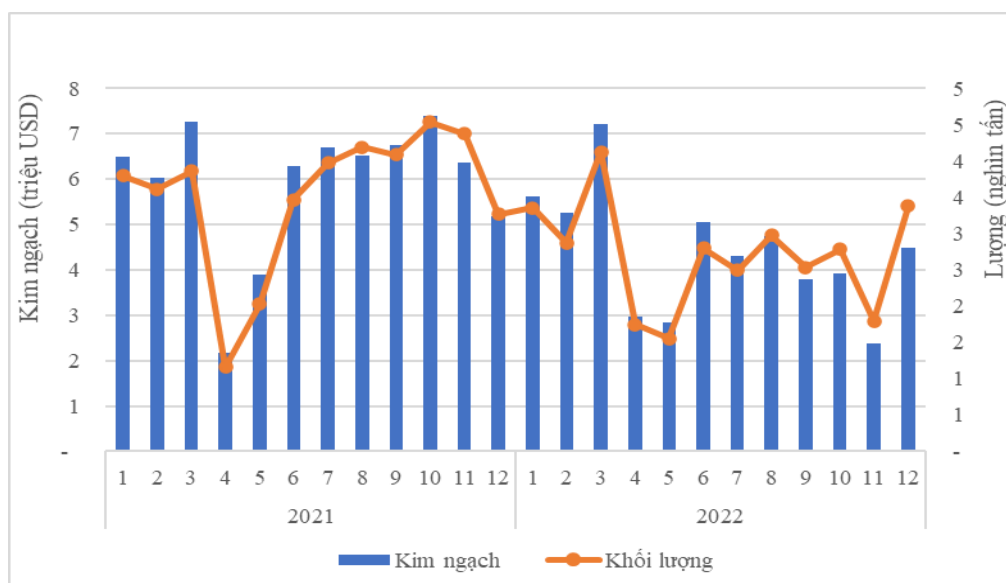


Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 12/2022, kim ngạch xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ đạt 4,494 triệu USD ứng với 3,376 nghìn tấn, tăng 88,18% về khối lượng và 89,79% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2021, xuất khẩu cao su sang Hoa Kỳ giảm 3,27% về khối lượng và giảm 13,27% về giá trị. Cao su tự nhiên chiếm tỷ trọng 99,9% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ.

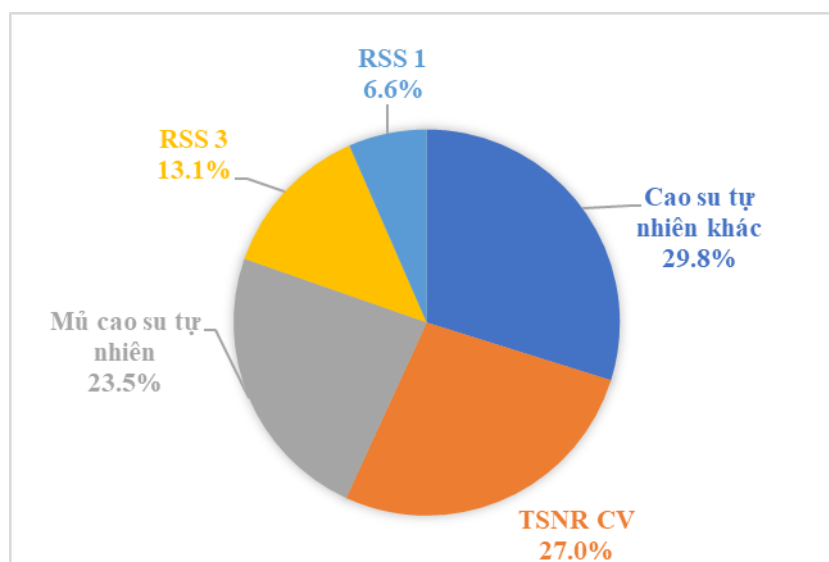
Hình 20: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2022, TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có tỷ trọng xuất khẩu lớn nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hoa Kỳ, chiếm 27%. Tiếp theo là mủ cao su tự nhiên chiếm tỷ trọng 23%. Tiếp theo lần lượt là RSS 3 (13%), RSS 1(7%).

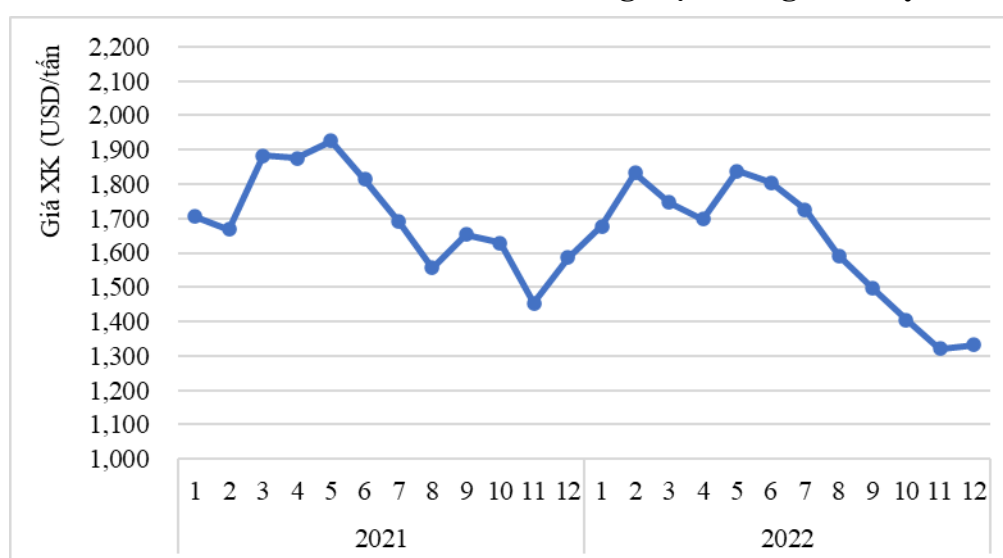
Hình 41: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 12/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tính từ tháng 6/2022, bình quân giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ liên tục giảm mạnh, trong tháng 12/2022 chỉ đạt mức 1.321 USD/tấn, tăng 0,86% so với tháng trước và giảm 16% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 22: Giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Rau quả

Theo Bộ Công thương, với chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa thị trường sẽ thúc đẩy ngành hàng rau quả tăng trưởng khả quan hơn trong năm 2023. Trong đó, Hoa Kỳ và các thị trường trong khối EU có nhu cầu nhập khẩu hàng rau quả lớn, tuy nhiên Việt Nam mới chỉ cung cấp tỷ trọng nhỏ, nên cơ hội mở rộng tới các thị trường này là rất lớn.

2. Cao su

Giữa tháng 12 năm 2022, Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ quyết định tăng lãi suất với tốc độ chậm hơn. Theo các chuyên gia đây là thông tin khả quan đối với nền kinh tế toàn cầu và có thể hỗ trợ hoạt động mua đầu cơ trên thị trường cao su.

3. Thủy sản

Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn của thủy sản Việt Nam. Xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang thị trường này sẽ giảm nhẹ trong quý I/2023 do ảnh hưởng của lạm phát. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu cá tra sang Hoa Kỳ được dự báo sẽ tăng trưởng trở lại. Năm 2023, triển vọng thị trường cá thịt trắng được dự báo tích cực với sự tăng trưởng cho cá rô phi, cá tra, cá minh thái và cá tuyết chấm đen, trong khi thị trường cá tuyết bị hạn chế nguồn cung từ Nga giảm. Nhu cầu cá tra và cá rô phi tại Hoa Kỳ năm 2023 được dự báo lạc quan nhờ nguồn cung ổn định. Kinh tế Hoa Kỳ đang khó khăn, cá tra và cá rô phi mở ra cơ hội cho các công ty thủy sản cung cấp một loại protein có thể phục vụ cho một gia đình từ 4 đến 5 người chỉ với giá 15-20 USD.

4. Gỗ và sản phẩm gỗ

Theo Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam nhận định, phải hết quý II năm 2023 ngành gỗ mới có thể phục hồi sản xuất khoảng 85%. Sự phục hồi trở lại vào nửa cuối năm kỳ vọng đạt tốc độ tăng trưởng từ 7-9%, tương đương đạt 18 tỷ USD trở lên.

Ứng với tình hình cũng như chủ động đón cơ hội, ngành gỗ cần tiếp tục tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp bằng việc áp dụng đồng các giải pháp: đẩy mạnh sử dụng gỗ rừng trồng trong nước, giảm sử dụng gỗ nhập khẩu; áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động; đẩy mạnh chuyển đổi số để giảm chi phí sản xuất; đẩy mạnh sản xuất phát thải thấp

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 12/2022

STT	Sản phẩm	Tháng 12/2022 (USD)	Tăng/giảm so T11/2022	Tăng /giảm so T12/2021	Tỷ trọng T12/2022
1	Cà phê	43.370.456	60,7%	52,9%	4,4%
2	Cao su	4.494.696	89,8%	-13,3%	0,5%
3	Chè	264.159	-52,9%	-77,1%	0,0%
4	Gạo	1.228.570	-35,7%	10,2%	0,1%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	677.975.556	18,7%	-18,9%	69,4%
6	Hàng rau quả	15.572.773	18,1%	-21,8%	1,6%
7	Hàng thủy sản	99.470.594	-15,6%	-44,5%	10,2%
8	Hạt điều	73.433.542	6,3%	-8,4%	7,5%
9	Hạt tiêu	26.769.511	63,1%	33,3%	2,7%
10	Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	21.604.341	27,9%	-47,6%	2,2%
12	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	12.025.214	212,5%	11,4%	1,2%
Tổng XK NLTS		976.209.412			

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 12/2022

DVT: USD

Mặt hàng	T12/2021 (USD)	T12/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Gạo đen	-	1.500	
Gạo đỏ	57.942	1.330	-97,7%
Gạo Japonica	44.786	163.527	265,1%
Gạo nếp	-	15.400	
Gạo thơm	863.078	868.538	0,6%
Gạo trắng	144.624	178.285	23,3%
Tổng	1.110.430	1.228.580	10,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 12/2022

TT	Sản phẩm	T12/2021 (USD)	T12/2022 (USD)	So sánh T12.2022/T12.2021
	Tổng giá trị XK	19.912.528	15.572.773	-21,8%
1	Chanh leo	405.520	2.453.746	505,1%
2	Sầu riêng	1.439.190	2.124.309	47,6%
3	Thanh long	3.623.152	1.352.131	-62,7%
4	Dừa	2.296.089	832.044	-63,8%
5	Xoài	891.537	682.260	-23,5%
6	Hạt macca	794.705	454.125	-42,9%
7	Vú sữa	548.298	452.664	-17,4%
8	Nhãn	84.765	418.088	393,2%
9	Khác	9.829.272	6.803.406	-30,8%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng cà phê sang Hoa Kỳ tháng 12/2022***DVT: USD*

Mặt hàng	T12/2022 (USD)	T12/2021 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	37.100.186,20	23.527.827,02	57,7%
Cà phê tan	2.340.617,49	2.115.382,38	10,6%
Khác	1.437.849,59	1.520.324,90	-5,4%
Chưa rang đã khử cafein	2.275.786,50	745.453,00	205,3%
Đã rang chưa khử cafein	207.185,54	438.393,82	-52,7%
Đã rang đã khử cafein	6.000,00	438.393,82	-98,6%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang Hoa Kỳ tháng 12/2022

Loại sản phẩm	Tháng 12/2022 (USD)	Tháng 12/2021 (USD)	So sánh 2022/21(%)
Cá da trơn	16.784.623,5	46.597.687,3	-64,0%
Cá ngừ	21.914.408,4	41.935.717,8	-47,7%
Cá rô phi	197.148,9	517.605,8	-61,9%
Cua, ghẹ	3.855.737,0	7.339.543,9	-47,5%
Mực và bạch tuộc	2.176.929,8	3.325.528,7	-34,5%
Tôm	33.283.502,5	61.603.412,9	-46,0%
Thủy sản khác	21.258.243,9	18.010.508,6	18,0%
Tổng	99.470.594,0	179.330.005,0	-44,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan